

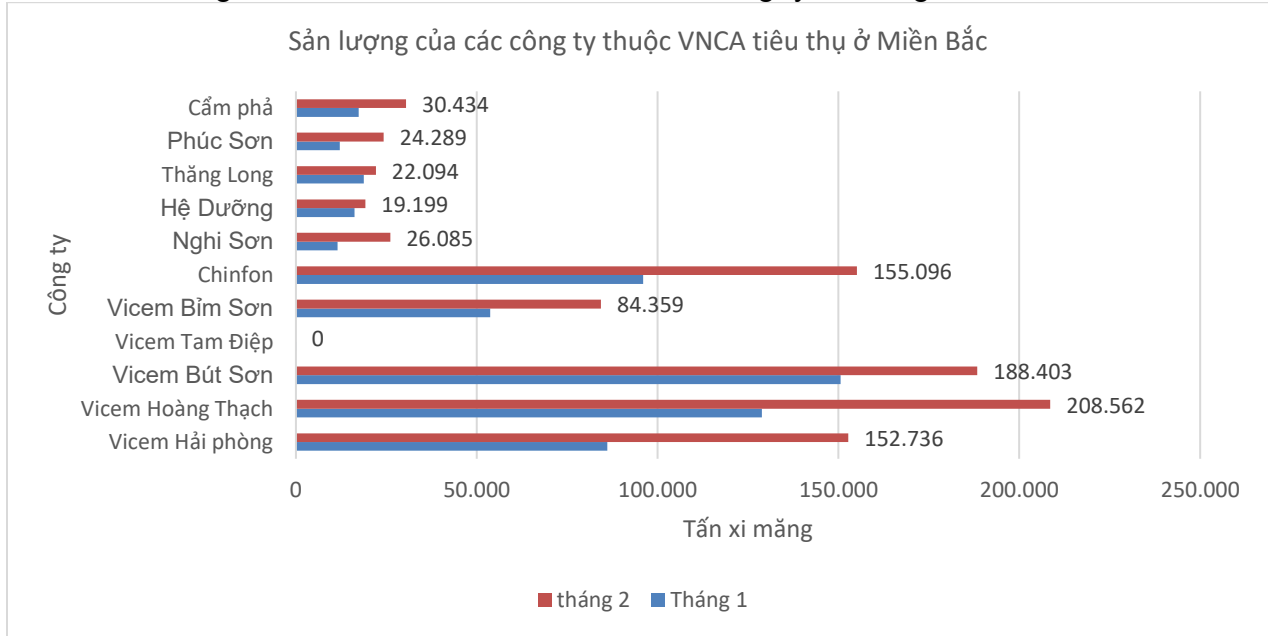
TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 2/2020

A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

I.Thị trường xi măng miền Bắc:

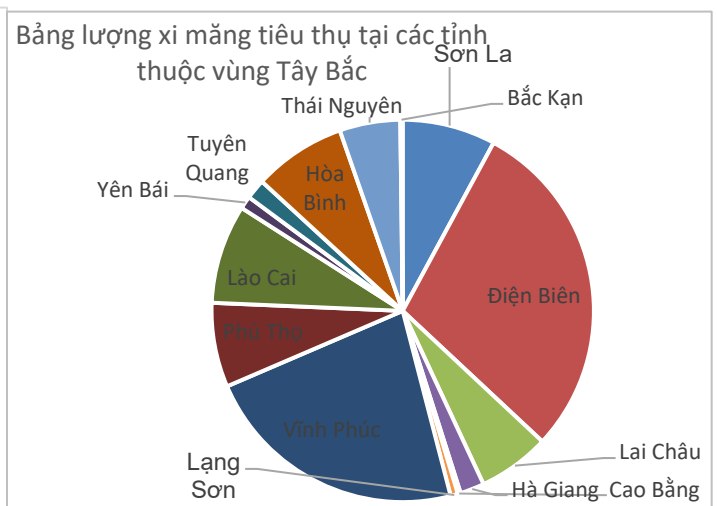
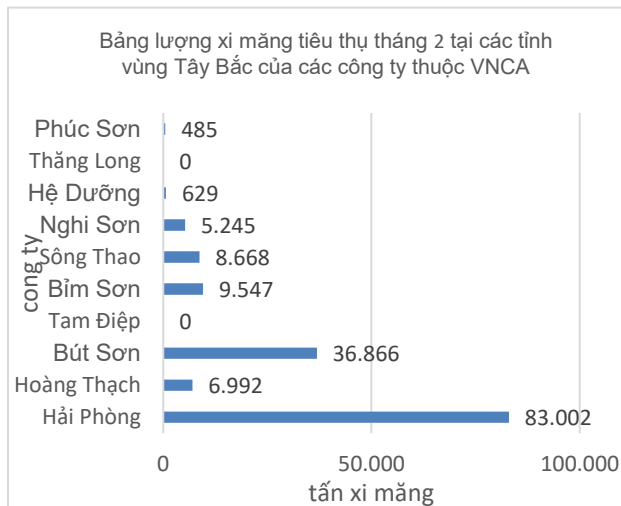
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 2/2020 là: 1.717.708 tấn (tháng 1 là 1.187.660 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

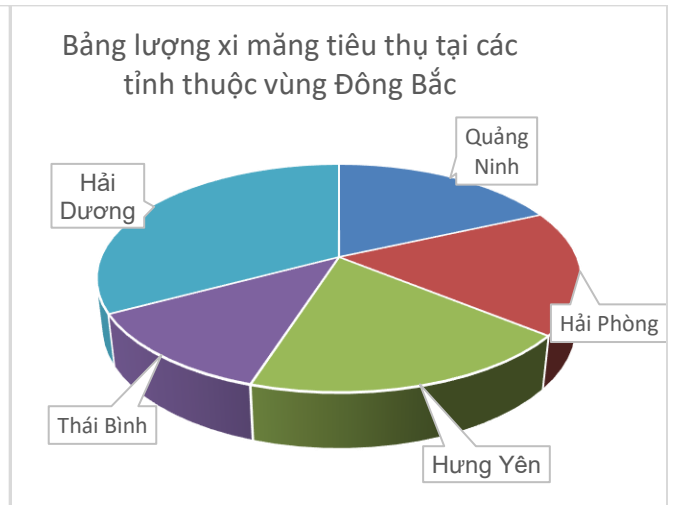
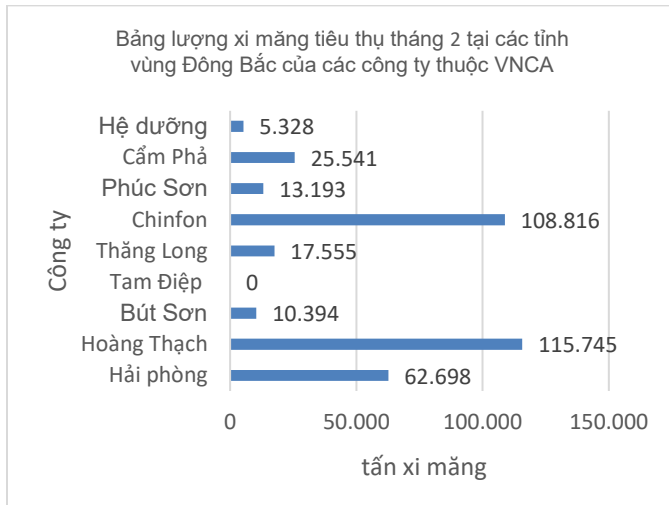


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 2/2020 như sau:

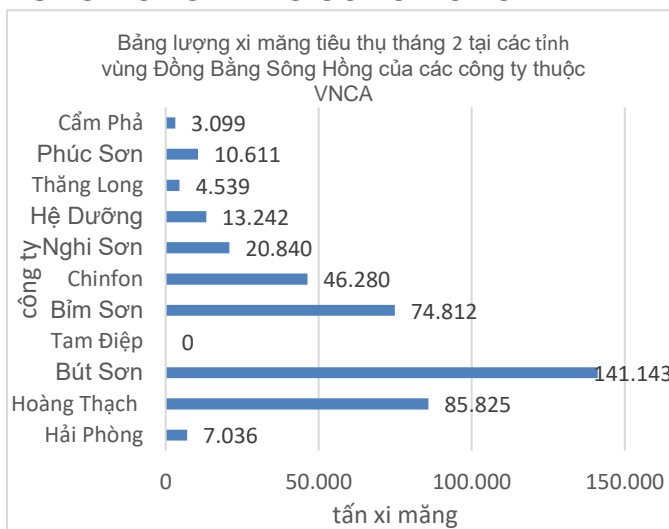
VÙNG TÂY BẮC:



VÙNG ĐÔNG BẮC:



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

1. Tại Sơn La:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)

- XM Tam Điệp: 1.460

2. Tại Hòa Bình: - XM ChinFon: 1.500 - XM Bút Sơn: 1.410

3. Tại Lạng Sơn: - XM Phúc Sơn: 1.300 - XM Chinfon: 1.400

- XM Hoàng Thạch: 1.440

-XM Lạng Sơn: 940

4. Tại Thái Nguyên: - XM La Hiên: 1.240

- XM Quang Sơn: 1.270

- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090 PCB 40: 1.200

5. Tại Quảng Ninh: - XM Hoàng Thạch: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.290

- XM Chin Fon: 1.400

- XM Lam Thạch : 1.200

- XM Thăng Long PCB 40 1.350

- XM Hạ Long PCB 40 1.360

-XM Cẩm phả PCB 40 1.300

6. Tại Bắc Ninh: - Xi măng Hoàng Thạch: 1.430 -XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380

XM Phúc Sơn: 1.350 XM Nghi Sơn PCB40: 1.450 – XM Chinfon: 1.450

7. Tai Bắc Giang: - XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380 - XM Phúc Sơn: 1.330

- XM Thăng Long PCB 40 1.380 - XM Hoàng Mai: 1.450

8. Tai Hải Dương: - XM Chinfon: 1.420 - *Hoàng Thạch: 1.420*

- XM Cẩm phả PCB 40	1.400	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

9. Tai Hưng Yên: - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.400	- XM Bút Sơn:	1.380
- XM Phúc Sơn:	1.260		

10. Tai Thanh Hoá: - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330 - XM Nghi Sơn PCB 40 1.420

- XM Hoàng Mai 1.280 - XM Tam Điệp: 1.250

11. Tai Ninh Bình: - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

12. Tai Nam Định: - XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.380

- XM Bỉm Sơn: 1.420 XM Phúc Sơn: 1.340

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.440

13. Tai Thái Bình:

- XM Bỉm Sơn: 1.400 - XM Chin Fon: 1.430 - XM Thăng Long: 1.390

- XM Bút Sơn: 1.400 - XM Phúc Sơn: 1.320 - XM Cẩm phả: 1.390

14. Tai Hà Nội.

- XM Chin Fon: 1.540 - XM Hoàng Thạch: 1.590

- XM Phúc Sơn: 1.450 - XM Bỉm Sơn: 1590

- XM Tam Điệp: 1550 - XM Bút Sơn: 1560

- XM Thăng Long PCB 40: 1.490

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.600 - XM Cẩm Phả: 1.500

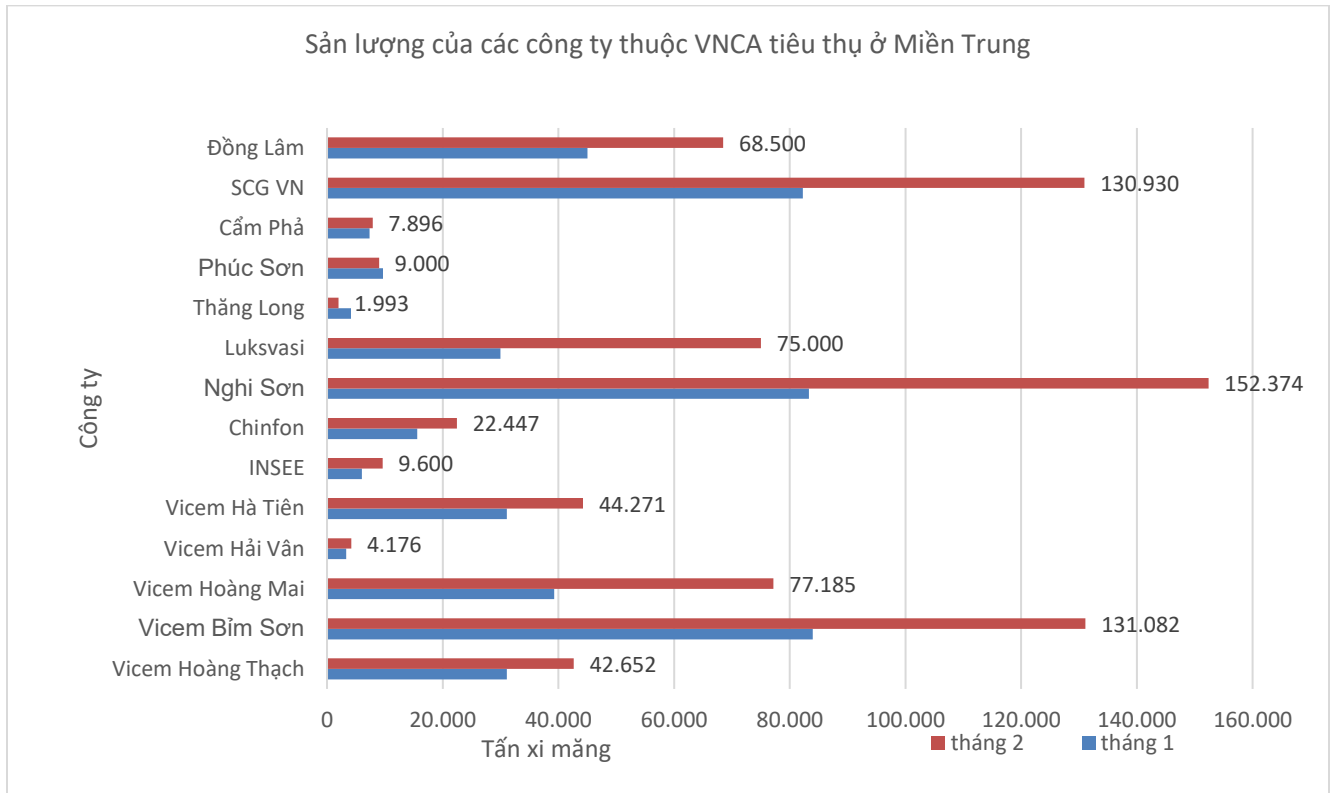
15. Tai Hải phòng: - XM ChinFon: 1.470 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440 - XM Phúc Sơn: 1.390

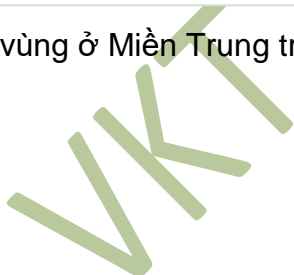
II. Thị trường xi măng miền Trung:

Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 2/2020: 1.034.831 tấn (tháng 1 là 664.514 tấn).

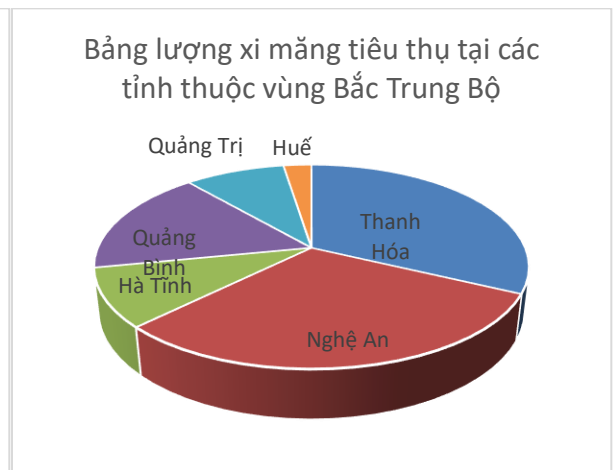
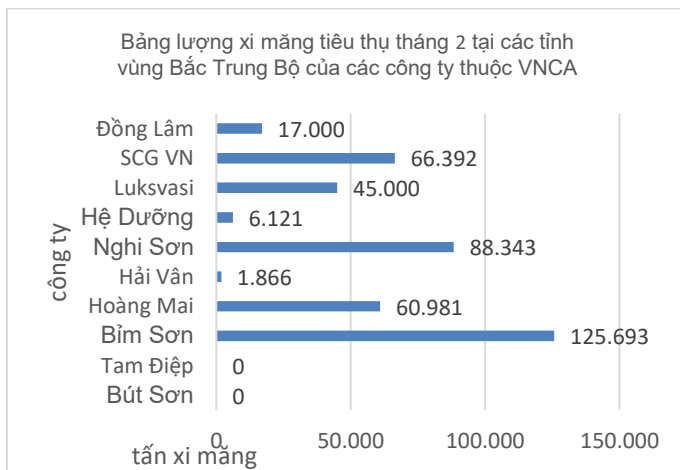
Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:



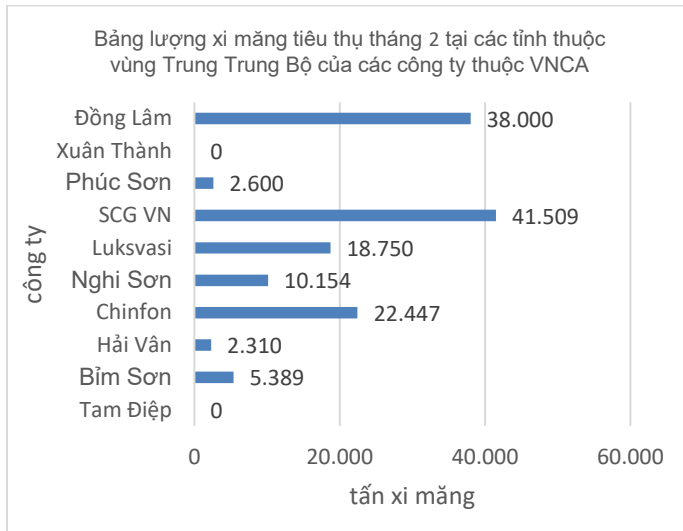
Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 2/2020 như sau:



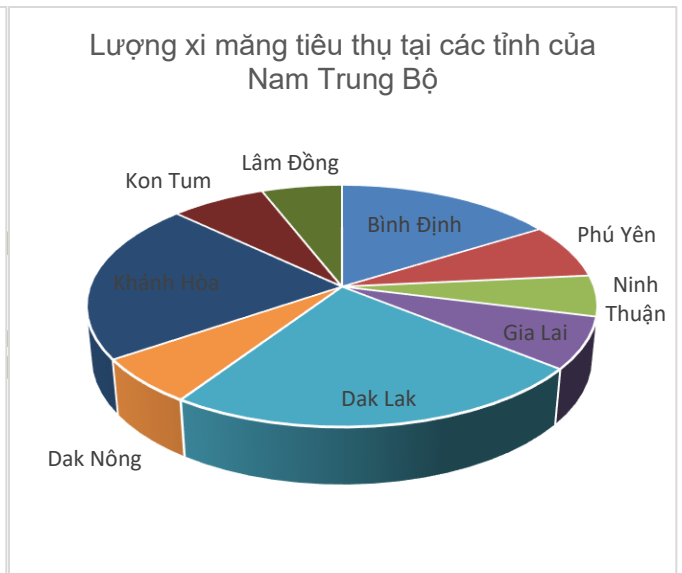
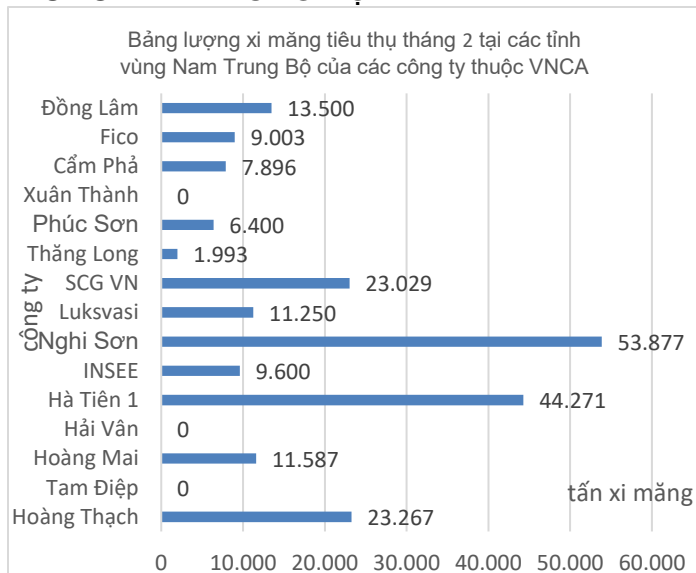
VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



VÙNG TRUNG TRUNG BỘ:



VÙNG NAM TRUNG BỘ:



Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40 : 1.360

*** Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

-Phúc sơn: 1.340

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

*** Giá XM tại Đà Nẵng:**

- XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.540

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520

-ChinFon: 1.520

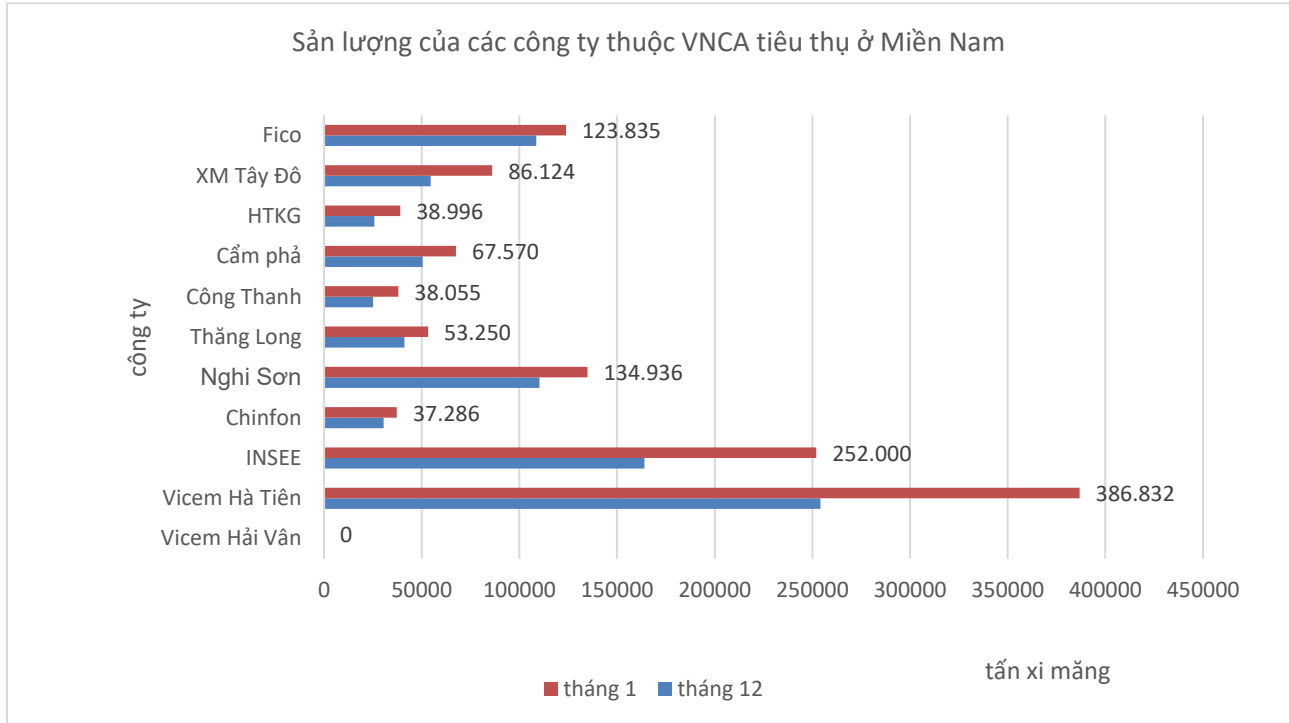
* **Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.830
- XM Phúc Sơn PCB 40: 1.730
- XM Thăng Long 1.730
- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

III. Thị trường xi măng Miền Nam:

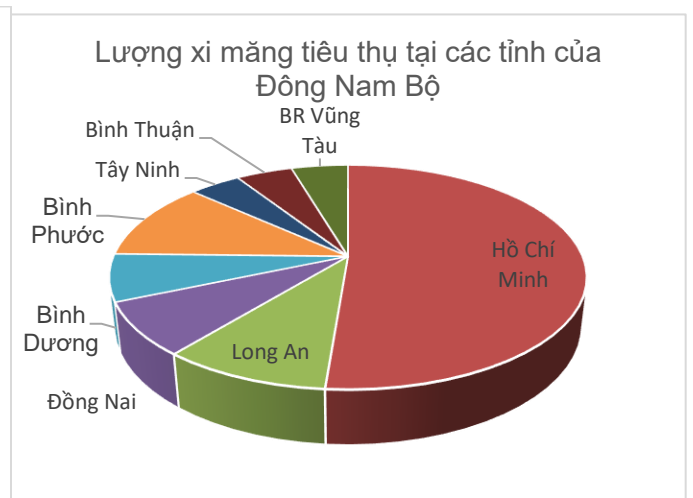
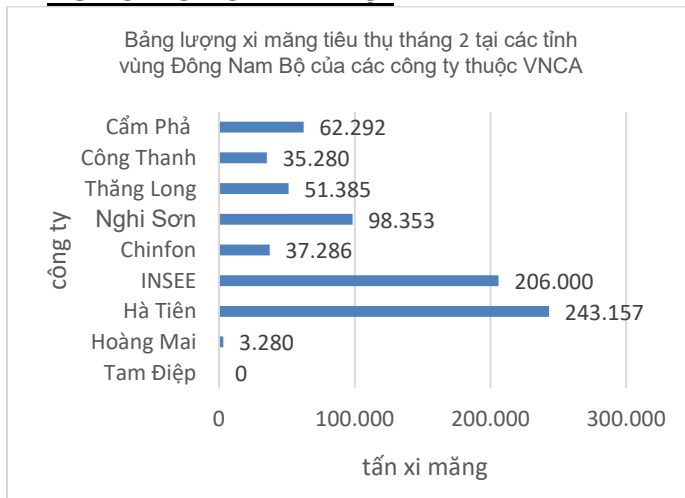
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 1.454.098 tấn (tháng 1 là 1.018.173 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

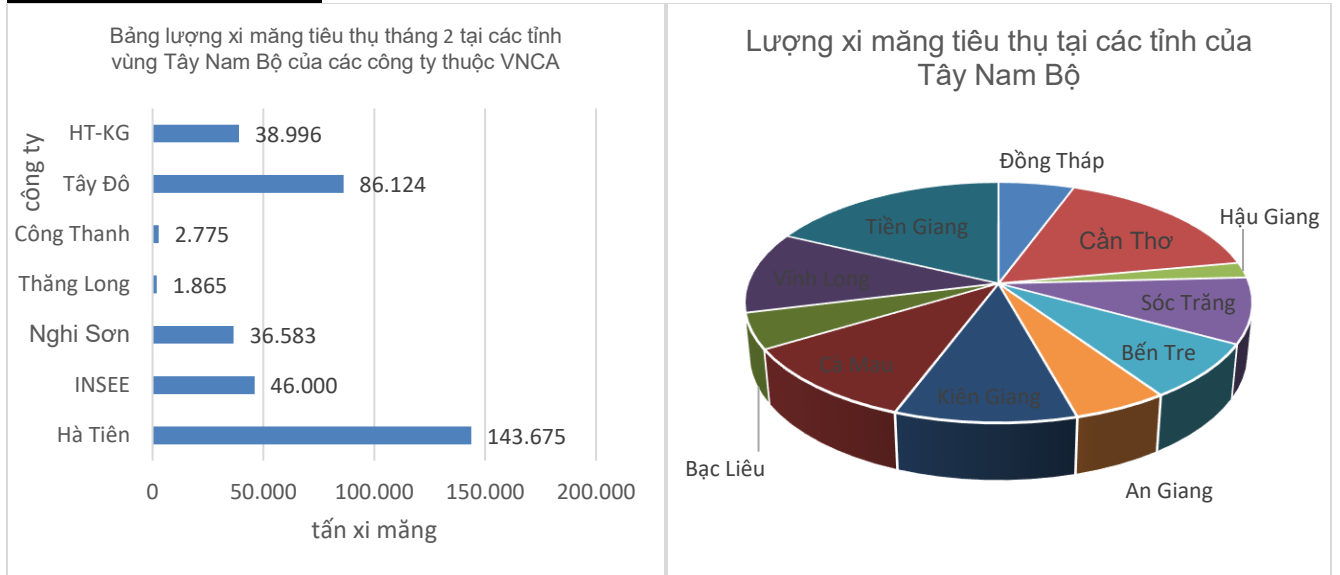


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 2/2020 như sau:

VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:



VÙNG TÂY NAM BỘ:



Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

*** Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 : 1.750
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.730
- XM ChinFon :1.560
- XM Cẩm phả PCB 40: 1.680
- XM Phúc Sơn: 1.580
- XM FICO: 1.600
- XM INSEE (Siam City Cement) đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Công Thanh: 1.600

*** Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.780
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394 ; PCB 50 xá : 1.353
- XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.700
- INSEE: 1.800

- * Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40: 1.760
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) tại kho: 1.290 PCB 40: 1.390

Nhận xét chung thị trường nội địa:

Về tiêu thụ xi măng: giảm mạnh do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán dài ngày.

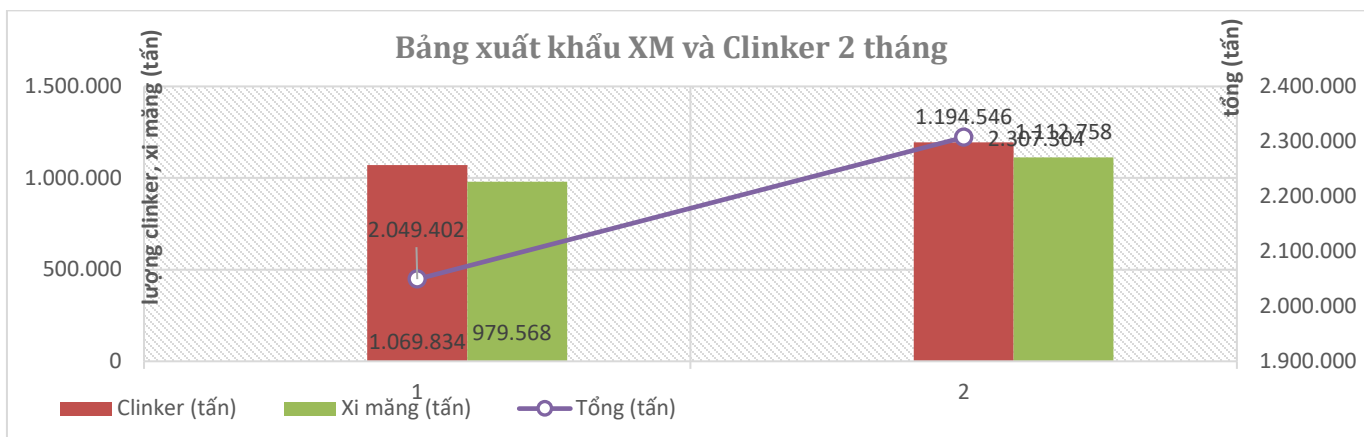
Về giá xi măng: Giá xi măng vẫn ổn định như mức giá của tháng 1.

Về giá xuất khẩu xi măng và clinker có rớt trung bình khoảng 2-3USD/tấn do diễn biến chung của tình hình thế giới.

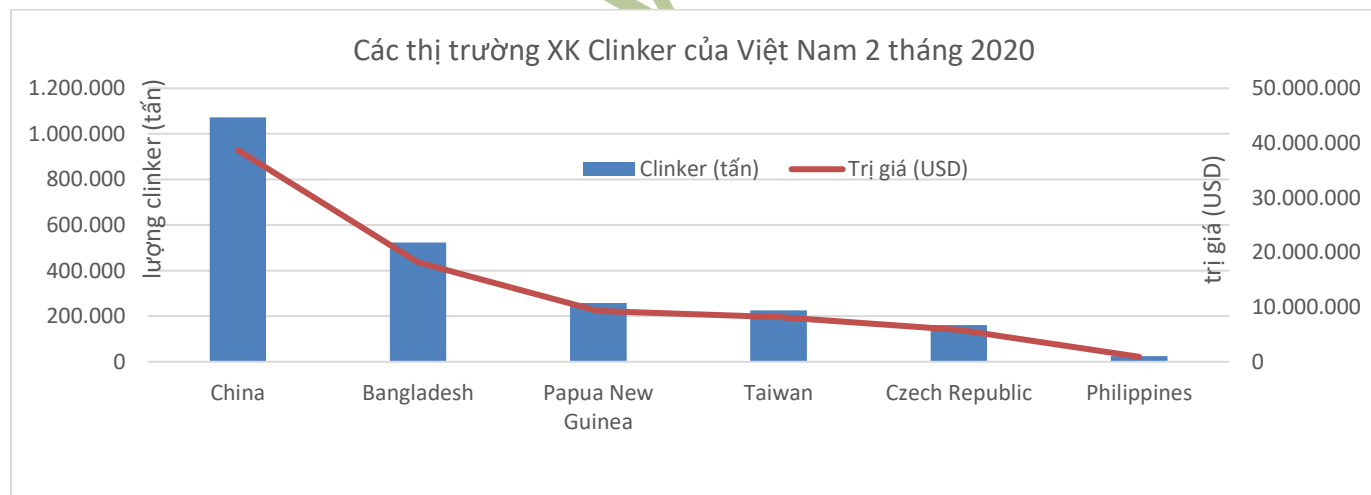
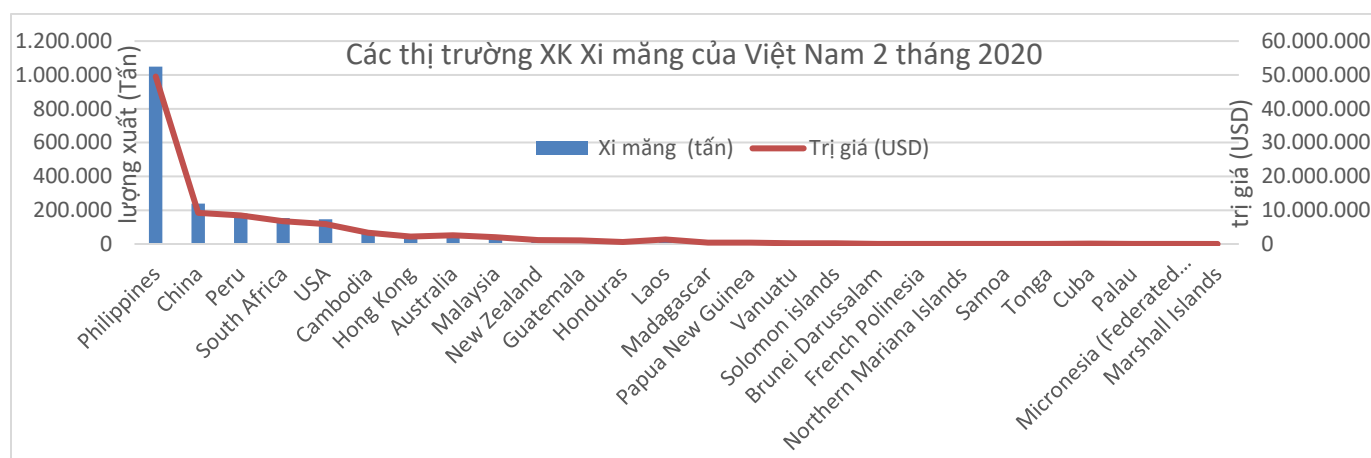
Tồn kho cuối tháng 2: Xi măng: 0,7 triệu tấn; clinker: 3,8 triệu tấn.

B- XUẤT KHẨU (XK)

1. Lượng XK xi măng và clinker tháng 2 như sau:

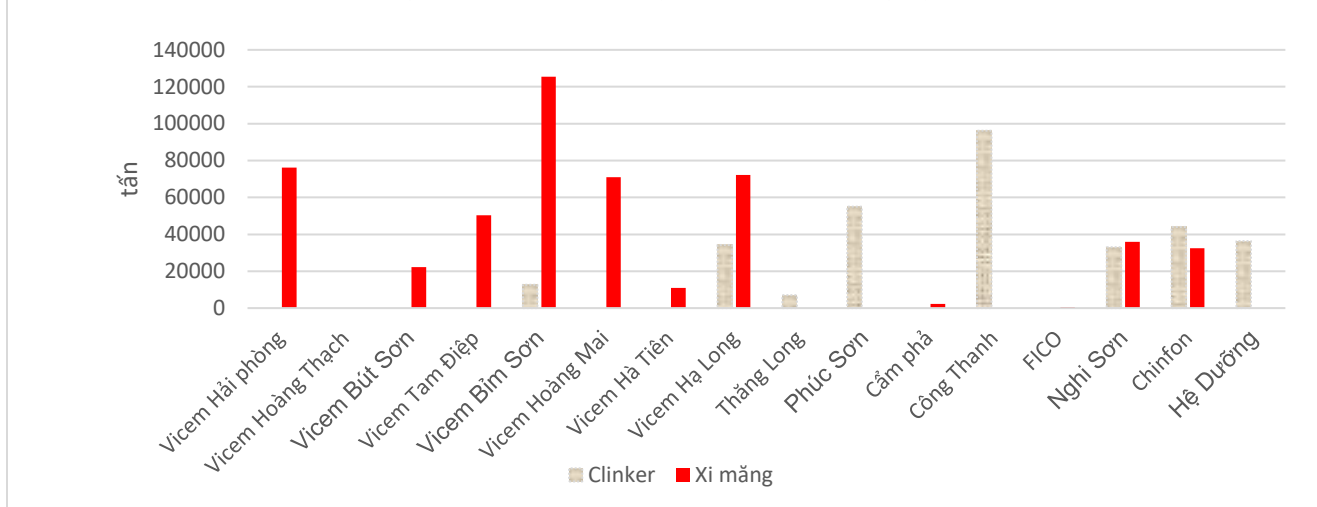


2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 2 tháng 2020:

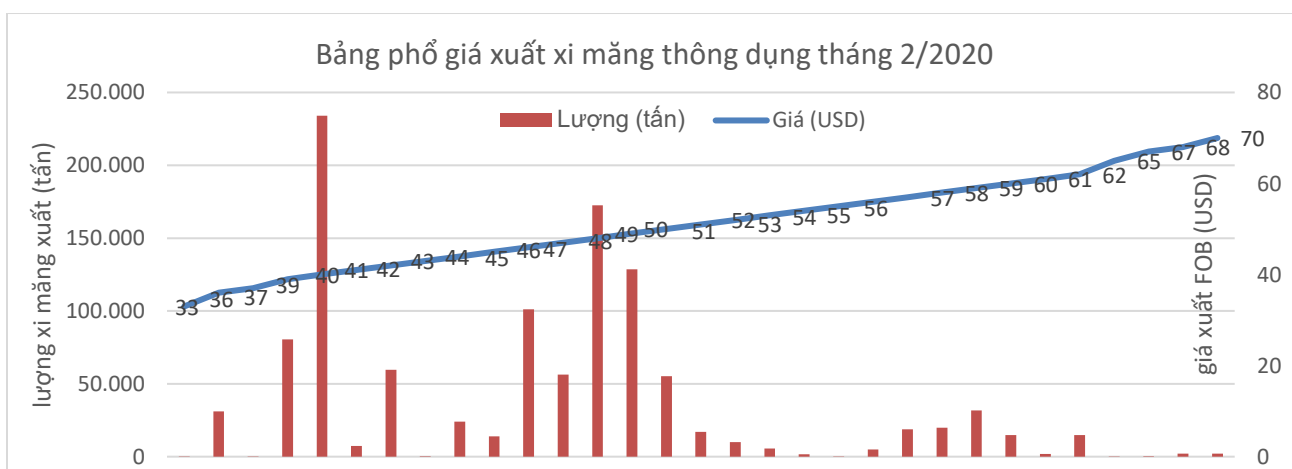
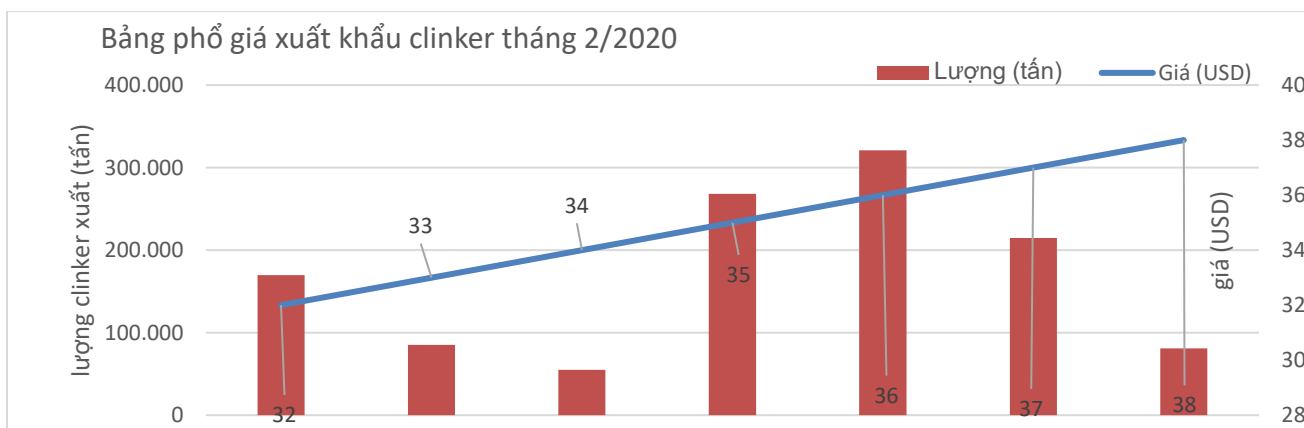


3. Một số nhà XK trực tiếp (các nhà sản xuất) thuộc VNCA như sau:

Biểu đồ lượng xuất khẩu tháng 2 của các công ty thuộc VNCA



4. Bảng phổ giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 2 như sau:



C- SX THÁNG 2/2020, KẾ HOẠCH THÁNG 3 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2020

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 2/2020	Lũy kế SX xi măng 2020	Kế hoạch TTND T3/2020	Lũy kế TTND năm 2020
A	Khối VICEM	1,853,697	3,036,736	2,346,000	2,286,515
1	Vicem Hải Phòng	106,000	172,404	225,000	238,823
2	Vicem Bỉm Sơn	307,530	501,525	370,000	353,163
3	Vicem Hoàng Thạch	291,772	435,999	470,000	411,086
4	Vicem Bút Sơn	234,593	421,123	330,000	339,014
5	Vicem Hà Tiên	371,300	681,711	690,000	716,255
6	Vicem Hải Vân	30,228	57,958		7,497
7	Vicem Hoàng Mai	150,000	203,800	161,000	119,747
8	Vicem Tam Điệp	139,276	196,394		24
9	Vicem Hạ Long	150,800	219,759	100,000	92,238
10	Vicem Sông Thao	72,198	146,063		8,668
B	Khối LD	1,365,388	2,726,884	1,573,660	1,940,469
1	XM Nghi Sơn	322,889	636,156	420,900	518,464
2	XM Chinfon	172,499	365,728	274,150	356,957
3	Siam City Cement	380,000	760,000	365,000	431,600
4	XM Luks(Vietnam)	100,000	190,000	120,000	105,000
5	XM Thăng Long	110,000	220,000	100,000	141,403
6	XM Hệ Dưỡng	30,000	65,000	29,610	44,314
7	SCG VN	200,000	380,000	210,000	287,640
8	XM Phúc Sơn	50,000	110,000	54,000	55,091
C	Khối các Cty xm khác	2,000,000	3,890,000	2,500,000	2,850,000
	Toàn XH: (A+B+C)	5,219,085	9,653,620	6,419,660	7,076,984

Đánh giá:

- TTND tháng 2: 4.206.637 tấn bằng 158% so với cùng kỳ năm 2019, bằng 147% so với tháng 1/2020. Tổng TTND 2 tháng đầu năm 2020 đạt 7.076.984 tấn giảm 2% so với cùng kỳ 2019.
- Xuất khẩu tháng 2: 2.307.304 tấn (trong đó xi măng 1.112.758 tấn và clinker là 1.194.546 tấn) đạt 99% so với cùng kỳ 2019, bằng 113% so với tháng 1/2020. Tổng xuất khẩu xi măng và clinker 2 tháng đầu năm 2020 đạt 4.356.706 tấn giảm 13% so với cùng kỳ 2019.
- TTND và xuất khẩu tháng 2: 6.513.941 tấn bằng 130% so với cùng kỳ năm 2019, 132% so với tháng 1/2020. Tổng TTND và XK 2 tháng đầu năm 2020 đạt 11.433.690 tấn giảm 7% so với cùng kỳ.